

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6 - 15

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Liên doanh SANA WMT (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính Quý I/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đan Thanh	Chủ tịch
Ông Dương Viết Dũng	Ủy viên
Ông Trần Văn Báu	Ủy viên
Ông Lê Duy Thiện	Ủy viên
Bà Lê Thị Kim Huê	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Báu	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 16, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho Quý I/2017. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam; Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Đan Thanh
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT

Xóm Tiều, xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ

TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý I/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý I/2017

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017	31/12/2016
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		96.060.676.639	68.814.799.473
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.487.613.524	3.086.424.9132
1. Tiền	111	5	10.487.613.524	3.086.424.913
2. Các khoản tương đương tiền	112			
III. Phải thu ngắn hạn	130		56.927.205.908	45.985.889.563
1. Phải thu khách hàng	131		52.411.577.732	41.511.536.555
2. Trả trước cho người bán	132		183.129.948	205.134.893
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.800.000.000	3.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		532.498.228	469.218.115
IV. Hàng tồn kho	140	6	27.652.688.803	19.536.889.516
1. Hàng tồn kho	141		27.652.688.803	19.536.889.516
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		993.168.404	205.595.481
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		892.035.296	190.057.886
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		101.133.108	15.537.595
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73.329.145.366	74.194.899.908
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		70.000.000.000	70.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.281.854.356	4.126.939.463
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	3.185.104.356	4.006.189.463
- Nguyên giá	222		9.355.128.902	10.873.547.084
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.170.024.546)	(6.867.357.621)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	96.750.000	120.750.000
- Nguyên giá	228		210.000.000	210.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(113.250.000)	(89.250.000)
V. Đầu tư dài hạn khác	260		47.291.010	67.960.445
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	47.291.010	67.960.445
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		169.389.822.005	143.009.699.381

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT

Xóm Tiều, xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ

TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý I/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Quý I/2017

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017	31/12/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		64.838.283.601	38.504.631.004
I. Nợ ngắn hạn	310		64.838.283.601	38.504.631.004
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	63.203.668.441	35.242.518.772
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			234.082.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313			111.116.529
4. Phải trả người lao động	314	11	67.146.164	175.600.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.177.558.993	1.177.558.993
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		171.321.338	1.282.949.748
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		218.588.665	280.804.562
II. Nợ dài hạn	330			
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	12		
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		104.551.538.404	104.505.068.377
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	13	104.551.538.404	104.505.068.377
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có biểu quyết				
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		597.828.710	597.828.710
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.953.709.694	3.907.239.667
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			3.907.239.667	2.104.612.341
- LNST chưa phân phối kỳ này			46.470.027	1.802.627.326
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		169.389.822.005	143.009.699.381

Nguyễn Đan Thanh

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2017

Bùi Thị Kim Nhạn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trinh

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT

Xóm Tiều, xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ

TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý I/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Giai đoạn từ 01/01/2017 đến 31/03/2017***MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2017	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối quý	QuýI/2016	Lũy kế từ đầu năm trước đến cuối quý
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	24.392.768.229	24.392.768.229	59.661.527.858	59.661.527.858
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		115.603.636	115.603.636		
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	10	14	24.277.164.593	24.277.164.593	59.661.527.858	59.661.527.858
4. Giá vốn hàng bán	11	15	23.650.914.196	23.650.914.196	58.048.667.561	58.048.667.561
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		626.250.397	626.250.397	1.612.860.297	1.612.860.297
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	207.468	207.468	2.415.926	2.415.926
7. Chi phí tài chính	22	17	24.045.923	24.045.923	56.494.671	56.494.671
- Trong đó : Chi phí lãi vay			21.477.788	21.477.788	51.274.671	51.274.671
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25		171.002.597	171.002.597	369.402.116	369.402.116
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		194.740.717	194.740.717	246.442.881	246.442.881
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		236.668.628	236.668.628	942.936.555	942.936.555
11. Thu nhập khác	31		531.759.210	531.759.210	516	516
12. Chi phí khác	32		710.340.305	710.340.305	33.122	33.122
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(178.581.095)	(178.581.095)	(32.606)	(32.606)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		58.087.533	58.087.533	942.903.949	942.903.949
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	11.617.506	11.617.506	206.391.618	206.391.618
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		46.470.027	46.470.027	736.512.331	736.512.331
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	0,46	0,46	73	73

Nguyễn Đan Thanh
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2017

Bùi Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trinh
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMTXóm Tiều, xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ
TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Quý I/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Theo phương pháp gián tiếp)**

Quý I/2017

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối Quý	Lũy kế từ đầu năm trước đến cuối Quý
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		58.087.533	942.903.949
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		111.981.473	132.510.267
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(207.468)	(2.415.926)
- Chi phí lãi vay	06		21.477.788	51.274.671
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		191.339.326	1.124.272.961
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(10.505.319.882)	(3.803.372.487)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(8.11.799.287)	6.641.916.799
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		26.444.769.126	(5.127.662.629)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(20.669.435)	7.365.959
- Tiền lãi vay đã trả	13		(21.477.788)	(51.274.671)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(41.063.509)	(50.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15			
- Tiền chi khác cho hoạt động SXKD	16			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.931.778.551	(1.258.754.068)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS khác	21			
2. Tiền thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	22		540.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.038.470	4.828.579
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		581.038.470	4.828.579
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			921.788.241
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.111.628.410)	(1.448.038.218)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.111.628.410)	(526.249.977)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		7.401.188.611	(1.780.175.466)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.086.424.913	5.580.607.455
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		10.487.613.524	3800.4310989

Nguyễn Đan Thanh
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2017

Bùi Thị Kim Ngân
Kế toán trưởngNguyễn Thị Trinh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Liên doanh SANA WMT (gọi tắt là “Công ty”), là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 0500471991 ngày 23 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) cấp, thay đổi lần thứ 11 ngày 30 tháng 09 năm 2015. Vốn Điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Xóm Tiều, xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh xăng dầu, đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác quặng kim loại không chứa sắt;
- Khai thác quặng sắt;
- Tái phế liệu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất dầu thực vật; sản xuất, mua bán muối ăn, muối công nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất đồ gỗ, bàn ghế, da đệm;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất băng vệ sinh;
- Sản xuất, buôn bán dầu gội đầu;
- Sản xuất kinh doanh các loại giấy vệ sinh, giấy ăn, bím trẻ em, bím y tế;
- Sản xuất các chất tẩy rửa, nước rửa bát, vệ sinh;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng siêu thị khép kín;
- Sản xuất mỹ phẩm, rượu, nước ngọt, nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm;
- Sản xuất và gia công hàng may mặc;
- Mua bán đồ mỹ nghệ, gốm, sứ, máy tre đan;
- Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế;
- Sản xuất và gia công các sản phẩm từ inox;
- Giao nhận hàng hóa;
- Buôn bán vật liệu xây dựng;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán hàng lương thực, thực phẩm;
- Buôn bán thương hiệu sản xuất, thương hiệu tiêu dùng.

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Quyết định số Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

4.6 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị phần mềm kế toán của Công ty. Giá trị phần mềm kế toán được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 5 năm.

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi đầu tư để hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi được bàn giao đưa vào sử dụng.

4.8 Các khoản chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn phát sinh phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng vào kết quả sản xuất kinh doanh bao gồm: Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

4.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố định có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.11 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ ngày được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

4.12 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Tiền mặt	10.294.407.296	2.617.825.664
Tiền gửi ngân hàng	193.206.228	468.599.249
Cộng	10.487.613.524	3.086.424.913

5. HÀNG TỒN KHO

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT

Xóm Tiều, xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ

TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý I/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.795.721.547	5.865.717.494
Công cụ, dụng cụ		
Chi phí SX, KD dở dang	30.633.870	17.620.596
Thành phẩm	684.893.202	805.209.397
Hàng hoá	21.141.440.184	12.848.342.029
Cộng	27.652.688.803	19.848.889.029

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**6.1 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 31/12/2016	2.938.230.357	4.882.395.576	2.994.965.459	57.955.692	10.640.367.084
<i>Mua trong kỳ</i>	-	-	-	-	-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(540.000.000)	-	(540.000.000)
<i>Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn</i>	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2016	2.938.230.357	4.882.395.576	2.454.965.459	57.955.692	9.355.128.902
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					-
Tại ngày 31/12/2016	1.203.590.094	4.361.228.909	1.244.582.926	57.955.692	6.867.357.621
<i>Trích khấu hao trong kỳ</i>	49.322.643	13.249.998	49.408.832	-	111.981.473
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(809.314.548)	-	(809.314.548)
Tại ngày 31/03/2016	1.252.912.737	4.374.478.907	484.677.210	57.955.692	6.170.024.546
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					-
Tại ngày 31/12/2015	1.954.461.573	521.166.667	2.049.879.079	-	4.004.340.652
Tại ngày 31/03/2016	1.685.317.620	507.916.669	1.970.288.249	-	3.185.104.356

6.2 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUYÊN GIÁ	210.000.000
Số dư đầu kỳ	89.250.000
<i>Trích khấu hao trong kỳ</i>	24.000.000
Tại ngày 31/12/2016	113.250.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2016	96.750.000

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT

Xóm Tiều, xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ

TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý I/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

	31/03/2016	31/12/2015
	VND	VND
Công cụ dụng cụ nhiều năm	47.291.010	70.667.755
Cộng	47.291.010	70.667.755

8. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng ngoại thương Việt nam		1.028.925.706
Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn (SACOMBANK)		
Vay ngắn hạn Ngân hàng CPTM Đông nam á	171.321.338	254.024.042
Cộng	171.321.338	1.282.949.748

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/03/2017	31/12/2017
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng		
Thuế thu nhập doanh nghiệp		41.063.509
Thuế tiêu thụ đặc biệt		
Thuế thu nhập cá nhân		52.134.850
Cộng		111.116.529

12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Vay dài hạn	-	
Vay ngân hàng SeA Bank		
Vay Ngân hàng SACOMBANK		
Cộng		

13. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Các quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
------------------------------	---------	---	------

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT

Xóm Tiều, xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ

TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý I/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2016	100.000.000.000	597.828.710	3.245.812.341	103.843.641.051
- Lãi (Lỗ) trong năm			1.802.627.326	1.802.627.326
- Phân phối lợi nhuận			(1.050.000.000)	(1.050.000.000)
- Thù lao HDQT & BKS			(91.200.000)	(91.200.000)
- Giảm do trích lập quỹ				
Số dư tại 31/12/2016	100.000.000.000	597.828.710	3.907.239.667	104.505.068.377
Số dư tại 01/01/2017	100.000.000.000	597.828.710	3.907.239.667	104.505.068.377
- Tăng vốn (*)				
- Trích lập Quỹ				
- Lãi trong kỳ			46.470.027	46.470.027
- Chi các quỹ				
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu				
Số dư tại 31/03/2016	100.000.000.000	597.828.710	3.953.709.694	104.551.538.404

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

**Từ 01/01/2017 đến
31/03/2017
VND**

Doanh thu bán hàng	24.392.768.229
Các khoản giảm trừ doanh thu	115.603.636
Cộng	24.277.164.593

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

**Từ 01/01/2017 đến
31/03/2017
VND**

Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	23.650.914.196
Cộng	23.650.914.196

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

**Từ 01/01/2017 đến
31/03/2017
VND**

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	207.468
Cộng	207.468

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

**Từ 01/01/2017 đến
31/03/2017
VND**

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT

Xóm Tiều, xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ

TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý I/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Lãi tiền vay	21.477.788
Chi phí khác	2.568.135
Cộng	24.045.923

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Từ 01/01/2017 đến
31/03/2017
VND

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại:	
Lợi nhuận trước thuế	58.087.533
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
Thu nhập chịu thuế	
Thuế thu nhập doanh nghiệp (20%)	11.617.506
Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp	11.617.506

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Từ 01/01/2017 đến
31/03/2017
VND

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	46.470.027
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-
- Lợi nhuận hoặc phân bổ cho cổ đông phổ thông	
- Cổ phiếu phổ thông đầu kỳ	
- Cổ phiếu phổ thông phát hành thêm trong kỳ	
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0,46

20. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty không có khoản cam kết nào tính đến ngày 31/03/2017.

21. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không có công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/03/2017.

22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày khóa sổ cần điều chỉnh hay trình bày trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/03/2017.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT

Xóm Tiều, xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ

TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý I/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Nguyễn Đan Thanh

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2017

Bùi Thị Kim Nhạn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trinh

Người lập biểu